

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về công trình

1.1.1. Giới thiệu chung về công trình

- Tên công trình: Sửa chữa lớn TSCĐ năm 2026 Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV

- Chủ đầu tư: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV

- Địa điểm: Nhà máy nhiệt điện Na Dương (Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam);

1.1.2. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 6: Cung cấp vật tư và dịch vụ sửa chữa hệ thống nước cấp tổ máy số 1 NMD Na Dương

- Nguồn vốn: Chi phí SXKD

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước, qua mạng;

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ;

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định;

- Thời gian thực hiện gói thầu: 300 ngày.

- Yêu cầu về phạm vi cung cấp hàng hóa: Theo quy định tại Mẫu số 01B (Webform trên Hệ thống). Phạm vi cung cấp, Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu;

- Yêu cầu về các dịch vụ liên quan: Theo quy định tại Mẫu số 01D (Webform trên Hệ thống). Các dịch vụ liên quan, Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu;

- Yêu cầu về thời gian giao hàng (ngày giao hàng sớm nhất và ngày giao hàng chậm nhất): Theo quy định tại Mẫu số 01B (webform trên Hệ thống). Phạm vi cung cấp hàng hóa, Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.

1.1.3. Thuế GTGT

a, Đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp theo Mẫu số 01B (Webform trên Hệ thống)

+ Hàng hóa thuộc Gói thầu được phê duyệt với thuế GTGT 10%, để đảm bảo tính công bằng trong quá trình đánh giá đề nghị nhà thầu chào giá đã bao gồm thuế GTGT 10%.

+ Trường hợp nhà thầu không tuyên bố thuế suất của giá dự thầu thì sẽ được hiểu là giá gói thầu đã bao gồm thuế GTGT 10%.

+ Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu đã bao gồm thuế 8% thì sẽ được hiệu chỉnh về thuế GTGT 10%.

b, Đối với dịch vụ liên quan thuộc phạm vi cung cấp theo mẫu số Mẫu số 01D (Webform trên Hệ thống)

+ Dịch vụ liên quan thuộc Gói thầu được phê duyệt với thuế GTGT 8%, để đảm bảo tính công bằng trong quá trình đánh giá đề nghị nhà thầu chào giá đã bao gồm thuế GTGT 8%.

+ Trường hợp nhà thầu không tuyên bố thuế suất của giá dự thầu thì sẽ được hiểu là giá gói thầu đã bao gồm thuế GTGT 8%.

+ Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu đã bao gồm thuế 10% thì sẽ được hiệu chỉnh về thuế GTGT 8%.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Đối với phần cung cấp hàng hóa

Các hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp phải đáp ứng các thông số kỹ thuật và các yêu cầu sau đây:

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Ghi chú
1	Bearing metal	(P52 - DWG.No. PR020197701/905) Material: FC200/WJ4 Manufactured by EBARA CORPORATION (hoặc tương đương)	(*)	
2	Ball bearing	(P56 - DWG.No. PR020197701/905; Material FC200/WJ4 Manufactured by EBARA CORPORATION (hoặc tương đương)	(*)	
3	Key	(P039-2 - DWG.No. PR020197701/905; Material SUS420J2 Manufactured by EBARA CORPORATION (hoặc tương đương)	(*)	
4	O-ring/ms-14 (mech.seal)/mir30	(P115-01 - DWG.No. PR020197701/905) Material: FKM Manufactured by EBARA CORPORATION (hoặc tương đương)	(*)	
5	O-ring/ms-10 (mech.seal)/mir30	(P115-02 - DWG.No. PR020197701/905) Material: FKM Manufactured by EBARA CORPORATION (hoặc tương đương)	(*)	
6	O-ring/for stuff.box	(P115-03 - DWG.No. PR020197701/905) Material: EPDM* Manufactured by EBARA CORPORATION (hoặc tương đương)	(*)	
7	O-ring/for last stage guide vane	(P115-04 - DWG.No. PR020197701/905) Material: EPDM* Manufactured by EBARA CORPORATION (hoặc tương đương)	(*)	
8	O-ring/for balance bushing	(P115-05 - DWG.No. PR020197701/905) Material: EPDM* Manufactured by EBARA CORPORATION (hoặc tương đương)	(*)	
9	O-ring/for balance piston	(P115-06 - DWG.No. PR020197701/905) Material: EPDM* Manufactured by EBARA CORPORATION (hoặc tương đương)	(*)	
10	O-ring/for balancing chamber	(P115-07 - DWG.No. PR020197701/905) Material: EPDM* Manufactured by EBARA CORPORATION (hoặc tương đương)	(*)	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Ghi chú
11	O-ring/for balance disk	(P115-08 - DWG.No. PR020197701/905) Material: EPDM* Manufactured by EBARA CORPORATION (hoặc tương đương)	(*)	
12	O-ring/for inner stage casing	(P115-09 - DWG.No. PR020197701/905) Material: EPDM* Manufactured by EBARA CORPORATION (hoặc tương đương)	(*)	
13	Mechanical seal cartridge	(P111 - DWG.No. PR020197701/905) Material: Ebara/ Japan Manufactured by EBARA CORPORATION (hoặc tương đương)	(*)	
14	Gasket	(P117 - DWG.No. PR020197701/905) Material: V#6500 Manufactured by EBARA CORPORATION (hoặc tương đương)	(*)	
15	Washer	(P135-02 - DWG.No. PR020197701/905) Material: SS400 SAW-A297 Manufactured by EBARA CORPORATION (hoặc tương đương)	(*)	
16	Vòng vớt dầu (Oil Ring-067-02)	P067-2 - DWG.No. PR020197701/905) Material: CAC406 Manufactured by EBARA CORPORATION (hoặc tương đương)	(*)	
17	Spiral Wound Gaskets	(TOMBO 1834R-GR-EEE 8" - class 1500)	(*)	
18	Spiral Wound Gaskets	ASME B16.20 with RF flanges (6" - class 150)	(*)	
19	Spiral Wound Gaskets	ASME B16.20 with RF flanges (3/4" - class 600)	(*)	
20	Spiral Wound Gasket	Style R 61.2x93x4.5	(*)	
21	Spiral Wound Gaskets	ASME B16.20 RF flanges (10" - class 150)	(*)	
22	Spiral Wound Gaskets	ASME B16.20 RF flanges (1" - class 150)	(*)	
23	Spiral Wound Gaskets	ASME B16.20 RF flanges (2" - class 150)	(*)	
24	Vòng vớt dầu (Oil Ring-067-01)	Vòng vớt dầu (Oil Ring-067-01)	(*)	
25	Oil	Preslia 32 Manufactured Total		
26	Gioăng 20K-640x690x4.5mm T (1804-GR-E00)	20K-640x690x4.5mm T (1804-GR-E00)	(*)	
27	Bearing	Metal Renk EMWLB 9S-90	(*)	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Tài liệu chứng minh tính đáp ứng về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Ghi chú
28	Bearing	Metal Renk EMWLB 9S-80	(*)	

(*) Nhà thầu đề xuất cung cấp hàng hóa hàng hóa được chọn đáp ứng thông số kỹ thuật tại cột "Thông số kỹ thuật của hàng hóa" thì nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh bao gồm:

- Catalogue, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp (*catalogue, tài liệu kỹ thuật phải là tài liệu được phát hành bởi hãng sản xuất/nhà sản xuất của hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp*); catalogue, tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về thông số kỹ thuật của hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp;

(*Trường hợp các tài liệu nêu trên do nhà thầu cung cấp không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh thì nhà thầu phải gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp nhà thầu không cung cấp các tài liệu theo quy định (hoặc không bổ sung được khi chủ đầu tư/bên mời thầu yêu cầu) hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh mà không gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt (hoặc không bổ sung được bản dịch sang tiếng Việt khi chủ đầu tư/bên mời thầu yêu cầu) thì hàng hóa tương ứng do nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật.*)

Để đảm bảo công bằng trong quá trình đánh giá E-HSDT, trường hợp trong E-HSDT nhà thầu không cung cấp tài liệu kỹ thuật của hàng hóa kèm theo E-HSDT để chứng minh hàng hóa nhà thầu đề xuất đáp ứng yêu cầu thì Nhà thầu sẽ bị đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật và không được phép bổ sung hoặc làm rõ trong quá trình đánh giá.

(**) Trường hợp nhà thầu đề xuất cung cấp hàng **tương đương** hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật tại cột "Thông số kỹ thuật của hàng hóa" thì nhà thầu phải cung cấp các tài liệu bao gồm:

- Catalogue, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp (*catalogue, tài liệu kỹ thuật phải là tài liệu được phát hành bởi hãng sản xuất/nhà sản xuất của hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp*); catalogue, tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về thông số kỹ thuật của hàng hóa do nhà thầu đề xuất;

- Tài liệu chứng minh hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp tương đương về thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ, kích thước lắp đặt với hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về thông số kỹ thuật tại cột "Thông số kỹ thuật của hàng

hóa” (kèm theo bảng so sánh chi tiết các thông số kỹ thuật chính giữa hàng hóa nhà thầu đề xuất cung cấp với hàng hóa được chủ đầu tư/bên mời thầu chỉ dẫn tại cột “Thông số kỹ thuật của hàng hóa” để chứng minh sự tương đương về thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ).

(Trường hợp các tài liệu nêu trên do nhà thầu cung cấp không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh thì nhà thầu phải gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp nhà thầu không cung cấp các tài liệu theo quy định (hoặc không bổ sung được khi chủ đầu tư/bên mời thầu yêu cầu) hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh mà không gửi kèm bản dịch sang tiếng Việt (hoặc không bổ sung được bản dịch sang tiếng Việt khi chủ đầu tư/bên mời thầu yêu cầu) thì hàng hóa tương ứng do nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật).

- Nhà thầu cam kết chịu toàn bộ chi phí bồi thường các thiệt hại gây ra do sự không tương thích hoặc do lỗi hàng hóa nhà thầu cung cấp gây ra cho các thiết bị/hệ thống của chủ đầu tư sau khi thay thế vật tư, lắp đặt, vận hành chạy thử và trong thời gian bảo hành.

Nhà thầu có thể khảo sát thực tế thiết bị tại hiện trường của Nhà máy Nhiệt điện Na Dương để chào hàng hóa cho phù hợp.

**1.2.2. Đối với phần cung cấp dịch vụ liên quan
a, Yêu cầu đối với phạm vi công việc**

STT	Tên công việc/ thành phần hao phí	ĐVT	Khối lượng
	HỆ THỐNG NƯỚC CẤP TỔ MÁY SỐ 1		
	BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA BƠM, MÁY NÉN KHÍ, EJECTOR, QUẠT		
1	Bảo dưỡng, sửa chữa bơm cấp	01 bơm	2,00
	Kỹ sư - Nghiên cứu tài liệu, học an toàn		
	Công nhân - Chuẩn bị mặt bằng, vật tư, thiết bị và dụng cụ thi công		
	Công nhân - Tháo, bọc bảo ôn mặt bích thân bơm		
	Công nhân - Tháo bảo vệ và các khớp nối của bơm; vệ sinh, đánh ri bu lông chân đế, thân bơm		
	Công nhân - Gá đặt đồ đo chuyên dùng, kiểm tra di trục bơm		
	Công nhân - Tháo các đường nước chèn, đường nước làm mát; Tháo lắp đường nước cấp đầu đẩy, hút bơm cấp, đường nước tái tuần hoàn và thay mới các gioăng làm kín mặt bích		
	Công nhân - Tháo 2 nửa bích định vị thân bơm		
	Công nhân - Tháo các bu lông giằng thân bơm		
	Công nhân - Tháo kiểm tra gối chặn		
	Công nhân - Tháo kiểm tra các gối đỡ bơm chính		
	Công nhân - Tháo kiểm tra vành chèn cơ khí của bơm		
	Công nhân - Tháo đĩa cân bằng tang trống của bơm		
	Công nhân - Tháo các tầng bánh động, bánh tĩnh của bơm		
	Công nhân - Kiểm tra cong trục bơm		
	Công nhân - Kiểm tra cân bằng động bơm		
	Công nhân - Cạo, rà và sửa chữa các gối đỡ bơm		
	Công nhân - Tổ hợp, lắp giáp căn chỉnh bơm		
	Công nhân - Vận chuyển và lắp bơm vào vị trí vận hành		
	Công nhân - Lắp các đường nước chèn, đường nước làm mát		
	Công nhân - Lắp 2 nửa bích định vị thân bơm phía đầu hút bơm		
	Công nhân - Tổ hợp căn chỉnh, căn tâm hoàn thiện bơm		
	Công nhân - Lắp bảo vệ và các khớp nối của bơm		
	Công nhân - Vệ sinh các bộ làm mát dầu		
	Công nhân - Vệ sinh bộ lọc từ tính		
	Công nhân - Vệ sinh bộ làm mát nước chèn cơ khí		
	Công nhân - Vệ sinh phin lọc đầu hút bơm cấp		
	Công nhân - Tổ hợp căn chỉnh, căn tâm hoàn thiện bơm.		
	Kỹ sư - Xác lập số liệu, đối chiếu tiêu chuẩn, nghiệm thu bàn giao.		
	Sửa chữa bảo ôn, cách nhiệt thân bơm (02 bơm)		
	Kiểm tra không phá hủy (PT) các tầng cánh tĩnh, cánh động, ngồng trục và các vị trí quan trọng (12 cụm)		
	BẢO DƯỠNG, SỬA CHỮA BÌNH, BỂ		

STT	Tên công việc/ thành phần hao phí	ĐVT	Khối lượng
2	Bảo dưỡng, sửa chữa bình khử khí	01 bình	1,00
	Kỹ sư - Nghiên cứu tài liệu, học an toàn		
	Công nhân - Chuẩn bị dụng cụ vật tư; Bóc bảo ôn bình khử khí		
	Công nhân - Tháo bu lông và mở các cửa người chui khoang nước, khoang hơi, thay gioăng.		
	Công nhân - Tháo, kiểm tra giàn phân phối nước của khoang hơi. Khắc phục các khiếm khuyết phát sinh		
	Công nhân - Mài, vệ sinh bên trong thân bình, kiểm tra kim loại, các vết nứt trên bình gia nhiệt nước ngưng		
	Công nhân - Mài, vệ sinh hệ thống đường ống hơi tự dùng bên trong bình, kiểm tra kim loại, các vết nứt		
	Công nhân - Tháo thay gioăng vòi phun đường cấp hơi tự dùng		
	Công nhân - Lắp và căn chỉnh các giá cố định giàn phân phối nước ngưng		
	Công nhân - Chèn tét các van xả bộ báo mức, van xả khoang nước cấp, van xả khoang hơi trên thân bình		
	Công nhân - Tháo, thay gioăng, thay kính ống thủy đo mức nước của bình		
	Công nhân - Kiểm tra đường ống, thay gioăng mặt bích van an toàn khoang hơi		
	Công nhân - Kiểm tra thay thế van 1 chiều đường nước ngưng cấp vào		
	Công nhân - Thay thế bảo ôn		
	Công nhân - Tổ hợp lắp ráp và hoàn thiện bình		
	Kỹ sư - Xác lập số liệu, đối chiếu tiêu chuẩn, nghiệm thu bàn giao.		
	THIẾT BỊ NHẤT THỨ		
	Đại tu các thiết bị nhất thứ		
	Động cơ cao áp (không cuốn lại cuộn dây)		
3	Động cơ cao áp 6600 V, công suất 1001kW÷2000 kW	01 thiết bị	2,00
	Công nhân - Công tác chuẩn bị		
	Công nhân - Nghiên cứu tài liệu kỹ thuật		
	Công nhân - Xác định tình trạng động cơ trước khi đại tu		
	Công nhân - Tháo cáp, tiếp địa, các thiết bị phụ kiện khác		
	Công nhân - Đưa động cơ ra vị trí sửa chữa		
	Công nhân - Tháo bộ làm mát		
	Công nhân - Mở nắp Rút rotor		
	Công nhân - Kiểm tra vệ sinh rotor		
	Công nhân - Kiểm tra vệ sinh sửa chữa gia cố Cách điện stator		
	Công nhân - Tẩm sấy cuộn dây stator (20 công)		
	Công nhân - Kiểm tra tình trạng các sensor của cuộn dây		
	Công nhân - Kiểm tra bộ sấy cuộn dây stator		
	Công nhân - Kiểm tra vệ sinh Bô sung mỡ các vòng bi		
	Công nhân - Thay vòng bi nếu cần		
	Công nhân - Kiểm tra vệ sinh sửa chữa bộ làm mát động cơ		
	Công nhân - Đưa rotor vào stator		

STT	Tên công việc/ thành phần hao phí	ĐVT	Khối lượng
	Công nhân - Lắp ráp hoàn chỉnh động cơ		
	Công nhân - Đưa động cơ tới vị trí Công tác		
	Công nhân - Lắp đặt căn chỉnh động cơ		
	Công nhân - Lắp cáp, tiếp địa, các phụ kiện khác		
	Công nhân - Lắp hoàn chỉnh bộ làm mát		
	Công nhân - Chạy thử động cơ		
	Kỹ sư - Xác lập số liệu, đối chiếu tiêu chuẩn, nghiệm thu bàn giao.		

b, Yêu cầu về nhân sự và tiến độ thực hiện

**** Yêu cầu về nhân sự***

- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các công nhân kỹ thuật đúng theo yêu cầu dưới đây:

+ Số lượng: 06 người.

+ Các công nhân có tay nghề từ bậc 4/7 trở lên hoặc có số năm kinh nghiệm từ 3 năm trở lên.

- Đảm bảo hệ thống nước cấp của nhà máy hoạt động ổn định, an toàn, không rò rỉ, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn vận hành của nhà máy.

- Yêu cầu về an toàn - môi trường

+ Đơn vị thi công phải có biện pháp thi công an toàn, được duyệt trước khi thực hiện.

+ Nhân sự phải được đào tạo an toàn lao động, có đầy đủ bảo hộ.

+ Không để rò rỉ ảnh hưởng đến kết cấu, thiết bị điện hoặc khu vực làm việc khác.

+ Dọn dẹp sạch sẽ, thu gom rác thải và vật tư sau thi công.

**** Yêu cầu về tiến độ***

Nhà thầu phải cam kết thực hiện hoàn thành việc cung cấp và lắp đặt gói thầu trong vòng 300 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Mục 2. Bản vẽ: Không

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Tất cả các hàng hóa do nhà thầu cung cấp sẽ được chủ đầu tư kiểm tra, nghiệm thu với các nội dung cụ thể như sau:

a) Kiểm tra tính hợp lệ của hàng hóa:

- Trước khi bàn giao hàng hóa, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa. Tài liệu cung cấp được thể hiện bằng ngôn ngữ tiếng Việt và/hoặc có bản dịch đối với các tài liệu cung cấp bằng tiếng nước ngoài. Nhà

thầu chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ tài liệu do nhà thầu cung cấp, nếu sai nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm;

- Hàng hóa được đánh giá là hợp lệ khi có đầy đủ các tài liệu chứng minh đáp ứng theo quy định của E-HSMT và các quy định khác của hợp đồng.

- Trường hợp nhà thầu không mua hàng hóa trực tiếp từ nhà sản xuất mà qua doanh nghiệp thương mại (doanh nghiệp nhập khẩu trong Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)) và hàng hóa đó không thể hiện rõ thông tin (serial number...) trong Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) thì nhà thầu cung cấp bổ sung Hợp đồng mua bán giữa nhà thầu và doanh nghiệp thương mại đó hoặc cam kết của doanh nghiệp thương mại đó với nội dung cam kết rằng hàng hóa bán cho nhà thầu để cung cấp cho Chủ đầu tư đảm bảo đúng hàng hóa trong Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

b) Kiểm tra chất lượng hàng hóa:

- Khi bàn giao hàng hóa, các bên có liên quan cùng tiến hành kiểm tra chất lượng của từng hàng hóa. Hàng hóa được đánh giá là đáp ứng về chất lượng so với quy định của hợp đồng khi thỏa mãn đầy đủ các điều kiện sau:

+ Hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2025 trở về sau, nguyên đai, nguyên kiện, được đóng gói và bảo quản theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, không bị biến dạng, móp méo, không bị han gỉ do tác động của môi trường;

+ Không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa cung cấp. Cam kết hàng hóa cung cấp hợp pháp và chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa mà Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư;

+ Hàng hóa phải đáp ứng theo danh mục hàng hóa và đặc tính, thông số kỹ thuật tương ứng được ghi trong hợp đồng và các tài liệu chứng minh về nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng.

- Trong trường hợp Chủ đầu tư có sự nghi ngờ về chất lượng hàng hóa do nhà thầu cung cấp không đáp ứng đúng theo hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải có trách nhiệm thuê 01 đơn vị có chức năng giám định chất lượng hàng hóa do nhà thầu cung cấp, mọi chi phí phát sinh (nếu có) do bên sai chi trả.

- Nếu kết quả kiểm tra thử nghiệm đạt yêu cầu kỹ thuật thì Chủ đầu tư chịu mọi chi phí thử nghiệm, ngược lại nếu kết quả kiểm tra thử nghiệm không đạt yêu cầu kỹ thuật thì Nhà thầu chịu chi phí thử nghiệm và các chi phí phát sinh khác, khi đó Chủ đầu tư từ chối không nhận hàng hóa.

c) Nghiệm thu, thử nghiệm hàng hóa:

Nhà thầu cam kết trình tự và thủ tục nghiệm thu thực hiện theo quy định hiện hành của Công ty Nhiệt điện Na Dương

Bước 1: Nghiệm thu hàng hóa/thiết bị trước khi lắp đặt

Hàng hoá do nhà thầu cung cấp được đánh giá là đạt để được đưa vào lắp đặt khi Chủ đầu tư đồng ý nghiệm thu, tiếp nhận các hàng hóa đáp ứng được các yêu cầu quy định mục (a) và mục (b) nêu trên.

Khi giao nhận hàng hóa, Nhà thầu có trách nhiệm cử đại diện có đủ năng lực, kinh nghiệm về hàng hóa đến địa điểm giao hàng của Chủ đầu tư.

- Hồ sơ, tài liệu của hàng hoá trước khi nghiệm thu phải đầy đủ. Hồ sơ, tài liệu bao gồm 01 bản cứng và 01 file mềm. Tất cả tài liệu phải là bản gốc hoặc bản sao được chứng thực (*có dịch công chứng sang tiếng Việt đối với tài liệu bản gốc khác tiếng Việt*).

Sau khi hoàn thành bước nghiệm thu hàng hóa trước khi lắp đặt và Biên bản nghiệm thu bàn giao thiết bị được ký bởi chủ đầu tư và nhà thầu thì mới cho phép tiến hành thực hiện chuyển bước tiếp theo.

Bước 2: Nghiệm thu công tác lắp đặt tĩnh thiết bị

Công tác lắp đặt thiết bị vào vị trí phải đảm bảo chắc chắn, ổn định, an toàn; thiết bị lắp đặt phù hợp, đồng bộ với hệ thống thổi bụi, hệ thống phụ trợ hiện có của nhà máy.... theo bản vẽ thiết kế, phương án kỹ thuật được duyệt.

Toàn bộ vật tư, máy móc, thiết bị sau khi lắp đặt tĩnh xong sẽ được tiến hành thí nghiệm, đo kiểm, kiểm định theo quy định hiện hành, nghiệm thu các thông số kỹ thuật, đánh giá đạt yêu cầu toàn bộ hệ thống.

Sau khi hoàn thành bước nghiệm thu công tác lắp đặt tĩnh thiết bị và Biên bản nghiệm thu công tác lắp đặt tĩnh thiết bị được ký bởi chủ đầu tư và nhà thầu thì mới cho phép tiến hành thực hiện chuyển bước tiếp theo.

Bước 3: Nghiệm thu chạy thử đơn động không tải thiết bị

Sau khi hoàn thành bước nghiệm thu chạy thử đơn động không tải thiết bị và Biên bản nghiệm thu chạy thử đơn động không tải thiết bị được ký bởi chủ đầu tư và nhà thầu thì mới cho phép tiến hành thực hiện chuyển bước tiếp theo.

Bước 4: Nghiệm thu chạy thử liên động có tải thiết bị

Sau khi hoàn thành bước nghiệm thu chạy thử liên động có tải thiết bị và Biên bản nghiệm thu chạy thử liên động có tải thiết bị được ký bởi chủ đầu tư và nhà thầu thì mới cho phép tiến hành thực hiện chuyển bước tiếp theo.

Bước 5: Nghiệm thu chạy tin cậy có tải 72 giờ

Thời gian chạy tin cậy là 72 giờ liên tục. Trong quá trình chạy tin cậy sẽ tiến hành nghiệm thu đánh giá đạt các thông số kỹ thuật, vận hành, công nghệ của hệ thống thiết bị.

Nếu thiết bị do nhà thầu cung cấp và lắp đặt có khiếm khuyết thì nhà thầu phải khắc phục hoặc thay thế phần thiết bị có khiếm khuyết đó và phải đưa hệ thống vào vận hành thử thách tiếp trong vòng 72 giờ liên tục.

Sau khi hoàn thành bước nghiệm thu chạy tin cậy có tải 72 giờ và Biên bản nghiệm thu chạy tin cậy có tải 72 giờ được ký bởi chủ đầu tư và nhà thầu thì mới cho phép tiến hành thực hiện chuyển bước tiếp theo.

Bước 6: Nghiệm thu hoàn thành bàn giao thiết bị đưa vào sử dụng

Sau khi thiết bị được lắp đặt và được nghiệm thu hoàn thành các bước nêu trên (bao gồm: chạy thử đơn động không tải, chạy thử liên động có tải, chạy tin cậy có tải 72 giờ) thì mới xem xét nghiệm thu khối lượng hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng.

(Căn cứ các bước kiểm tra và thử nghiệm nêu trên, trong giai đoạn thực hiện gói thầu, tùy theo tính chất thiết bị do nhà thầu cung cấp, nhà thầu phải lập Quy trình kiểm tra và thử nghiệm trình chủ đầu tư xem xét phê duyệt trước khi thực hiện).

Mục 4. Yêu cầu về bảo hành

- Nhà thầu phải thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với toàn bộ hàng hóa và các dịch vụ có liên quan trong vòng 365 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

- Nhà thầu cam kết chịu toàn bộ chi phí bồi thường các thiệt hại gây ra do sự không tương thích hoặc do lỗi vật tư, thiết bị nhà thầu cung cấp gây ra cho các thiết bị/hệ thống của chủ đầu tư sau khi lắp đặt, vận hành chạy thử và trong thời gian bảo hành.

- Thời gian thực hiện công tác sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót chậm nhất không quá 03 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư.

- Trong thời gian bảo hành sản phẩm, nếu sản phẩm bị hư hỏng có bất kỳ khiếm khuyết nào, nhà thầu phải có trách nhiệm sửa chữa lại hoặc thay thế sản phẩm mới đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo hợp đồng. Trong trường hợp phải sửa chữa khắc phục thì thời gian bảo hành được tính thêm bằng thời gian sửa chữa; trường hợp hạng mục hàng hóa phải thay thế mới thì thời gian bảo hành được tính lại từ đầu kể từ ngày nghiệm thu bàn giao hàng hóa đó.

- Trong trường hợp nhà thầu không thực hiện trách nhiệm bảo hành, chủ đầu tư buộc phải sửa chữa hoặc thuê tổ chức khác thực hiện sửa chữa, khắc phục hư hỏng, khiếm khuyết thì nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, khắc phục hư hỏng, khiếm khuyết đó.